TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 12-5-2022
V/v: Ly hôn giữa anh H và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn". Do bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/HNGĐ-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải H, tỉnh NĐ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐ-PT ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao H - Sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Xóm 9A, xã Hải P, huyện Hải H, tỉnh NĐ.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim N - Sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm 9A, xã Hải P, huyện Hải H, tỉnh NĐ.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trần Thị Kim N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ông Nguyễn Cao H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Trần Thị Kim N đăng ký kết hôn ngày 24-10-1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hải P, huyện Hải H, tỉnh NĐ trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại xóm 9A, xã Hải P được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do bà N không chung thủy với ông, không chịu lo toan làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia đình; đối xử với anh em trong gia đình cũng như hàng xóm không hòa hợp dẫn đến vợ chồng bất hòa. Từ năm 2014 cho đến nay bà N thường xuyên đi làm xa mỗi năm về nhà một, hai lần dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và gần như sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải H giải quyết được ly hôn bà N.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy D, sinh ngày 11-5-1998. Hiện nay cháu D đã thành niên và có khả năng lao động tự lập nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Ông không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là Bà Trần Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H có quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như ông H đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Do khó khăn về kinh tế, để có tiền cho con ăn học và chữa bệnh, bà phải tự đi làm, ông H không giúp đỡ bà để nuôi con và chữa bệnh nên vợ chồng lại phát sinh thêm mâu thuẫn. Nay ông H làm đơn xin ly hôn, bà không muốn ly hôn mà chỉ đề nghị ly thân để có thời gian vợ chồng hòa giải cũng như khi cháu D lập gia đình thì có bố, có mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng bà có một con chung là cháu Nguyễn Huy D, sinh ngày 11-5-1998 như ông H đã trình bày. Nay cháu D đã thành niên nên bà cũng không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Bà cũng đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/HNGĐ-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải H, tỉnh NĐ, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Cao H và chị Trần Thị Kim N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/02/2022, bị đơn Bà Trần Thị Kim N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án ly hôn giữa ông H và bà N theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Ông H và bà N đều thừa nhận hai người chung sống không có hạnh phúc, không có sự quan tâm chăm sóc và trách nhiệm với nhau. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay nhưng hai bên không có biện pháp, hành động để hàn gắn tình cảm. Ông H vẫn giữ ý kiến xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông H và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm quyết định cho ông H được ly hôn bà N là có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo quá hạn của bị đơn Bà Trần Thị Kim N được Tòa án chấp nhận nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Bà Trần Thị Kim N:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung: Ông Nguyễn Cao H và Bà Trần Thị Kim N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải P, huyện Hải H, tỉnh NĐ vào năm 1997, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H vẫn giữ ý kiến xin ly hôn vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử ly hôn giữa ông H và bà N là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của bà N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án ly hôn giữa bà và ông H không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị Kim N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử ly hôn giữa Ông Nguyễn Cao H và Bà Trần Thị Kim N.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Trần Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Ngân đã nộp tại biên lai số 0006117 ngày 25-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải H, tỉnh NĐ, xác định Bà Trần Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện Hải H;
- Chi cục THADS huyện Hải H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.